TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST Ngày 11-7-2017 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ông Thanh Bạch.

Ông Đỗ Ngọc Cận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 81/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Hồng T; Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thanh B; Địa chỉ: đường P, phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2017, nguyên đơn bà Trần Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông B chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 06/12/2006 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông B bạo lực gia đình,

đánh đập bà T, có những lời nói không tôn trọng bà T và cha mẹ bà T. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông B có 01 người con chung tên Nguyễn Hồng Ái N, sinh ngày 02/02/2009. Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau đến nay, cháu N sống với bà T.

Về tài sản chung: Bà T và ông B tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Trần Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Hồng T và ông Nguyễn Thanh B là vợ chồng.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hồng Ái N, sinh ngày 02/02/2009 cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T và ông B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh B, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ cho ông B, nhưng ông B không có văn bản trả lời cho Tòa án. Sau đó, Tòa án có gửi Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án hai (02) lần nhưng ông B vẫn không tham gia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Hồng T và ông Nguyễn Thanh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Theo bà T trình bày trong quá trình chung sống, giữa ông

bà phát sinh Nều mâu thuẫn không thể hàn gắn được do ông B bạo lực gia đình, đánh đập bà T, có những lời nói không tôn trọng bà T và cha mẹ bà T. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Nguyễn Thanh B là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà T và ông B chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà Trần Hồng T và ông Nguyễn Thanh B là vợ chồng.

Về con chung: Bà T trình bày, ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Hồng Ái N, sinh ngày 02/02/2009. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hồng Ái N cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại bà T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, từ khi vợ chồng không còn sống chung cho đến nay cháu N sống với bà T, cuộc sống của cháu đang ổn định. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Hồng Ái N ngày 15/5/2017 (Bút lục số 34-35) thì cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Trần Hồng T. Mặt khác, do cháu N là con gái, đang trong giai đoạn phát triển, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do đó căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T giao cháu Nguyễn Hồng Ái N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hồng Ái N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Hồng Ái N mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Bà T trình bày bà và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Trần Hồng T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đ.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử

đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Hồng T và ông Nguyễn Thanh B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng Ái N, sinh ngày 02/02/2009 cho bà Trần Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu N đang sống cùng với với bà T tại địa chỉ ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hồng Ái N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Hồng Ái N mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà T trình bày bà và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Trần Hồng T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0007014 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Bà T đã nộp xong án phí.

Bà Trần Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Thanh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để

yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Thúy Uyên